

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 11-4-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 263/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 24/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14b/2025/QĐST-DS ngày 04/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2 (Sau đây viết tắt là: Công ty T2 hoặc Công ty T2); Địa chỉ: Tầng A, tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng, lô 1-13 khu chức năng số 1-số A, đường T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Chun Young I, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng Minh Đ, chức vụ giám đốc khối thu hồi nợ. Ông Đ ủy quyền cho Công ty L (sau đây viết tắt là: Công ty L1); Địa chỉ: H N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng; Công ty L1 ủy quyền lại cho các ông, bà: Cao Thị Vân A, Hoàng Văn Đ1, Hoàng Xuân H, Lê Đình Minh T, Đỗ Thị Thùy T1. Ông Hoàng Xuân H có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T2 trình bày:

Ngày 09/03/2020, Công ty T2 và ông Nguyễn Quang V có ký hợp đồng cho vay số 100253773 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”).

Theo đó, Công ty T2 cho ông Nguyễn Quang V vay số tiền 75.000.000 đồng với lãi suất 36%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng/TTB gia đình; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 09/03/2020, Công ty T2 đã giải ngân đủ số tiền 75.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*) cho ông Nguyễn Quang V.

Căn cứ quy định của hợp đồng, ông Nguyễn Quang V có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 10 (*Mười*) hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 2.974.050 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 10/04/2020, kỳ cuối cùng vào ngày 10/03/2024. Tuy nhiên đến nay, ông Nguyễn Quang V chỉ mới thanh toán tổng cộng 04 kỳ với tổng số tiền 11.929.197 đồng (*Mười một triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng*). Ông Nguyễn Quang V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông Nguyễn Quang V vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2.

Vì vậy, Công ty T2 kính đề nghị Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, TP . giải quyết các vấn đề sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Quang V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/4/2025 với tổng số tiền: 247.443.322 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 72.053.953 đồng (*Bảy mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng*).

Nợ lãi trong hạn: 58.778.091 đồng (*Năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm chín mươi một đồng*).

Nợ lãi quá hạn: 96.892.206 đồng (*Chín mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng*).

Nợ lãi chậm trả: 19.719.072 đồng (*Mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng*).

Buộc ông Nguyễn Quang V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Quang V nhưng ông V không hợp tác, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nguyễn Quang V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Quang V chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quang V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 tổng số tiền 247.443.322 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 72.053.953 đồng; Nợ lãi trong hạn: 58.778.091 đồng; Nợ lãi quá hạn: 96.892.206 đồng; Nợ lãi chậm trả: 19.719.072 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quang V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Quang V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng cho vay số 100253773 ngày 09/3/2020 giữa Công ty T2 và ông Nguyễn Quang V. Do đó Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, bị đơn ông Nguyễn Quang V có nơi cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, TP

Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho bị đơn ông Nguyễn Quang V, tại phiên tòa ông V vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Quang V.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T2 đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Quang V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/04/2025 với tổng số tiền: 247.443.322 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 72.053.953 đồng; Nợ lãi trong hạn: 58.778.091 đồng; Nợ lãi quá hạn: 96.892.206 đồng; Nợ lãi chậm trả: 19.719.072 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quang V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty T2 buộc bị đơn ông Nguyễn Quang V phải trả khoản nợ gốc (vốn vay) với số tiền: 72.053.953 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thực hiện hợp đồng cho vay số 100253773 ngày 09/03/2020, Công ty T2 cho ông Nguyễn Quang V vay số tiền 75.000.000 đồng với lãi suất 36%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng/TTB gia đình; loại hình vay: tín chấp. Cũng trong ngày 09/3/2020, Công ty T2 đã giải ngân đủ số tiền 75.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*) cho ông Nguyễn Quang V. Theo quy định của hợp đồng, ông Nguyễn Quang V phải có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 10 (*Mười*) hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 2.974.050 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 10/04/2020, kỳ cuối cùng vào ngày 10/03/2024. Tuy nhiên đến nay, ông Nguyễn Quang V chỉ mới thanh toán tổng cộng 04 kỳ với tổng số tiền 11.929.197 đồng (Trong đó gồm: gốc: 2.946.047 đồng; lãi: 8.983.150 đồng). Còn lại 72.053.953 đồng tiền gốc từ kỳ thanh toán ngày 10/8/2020 cho đến nay ông V không thanh toán cho Công ty T2. Như vậy theo quy định tại hợp đồng cho vay,

Lịch trả nợ, Bản điều khoản cơ bản thì ông Nguyễn Quang V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Công ty T2 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang V phải trả khoản nợ gốc 72.053.953 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Nguyễn Quang V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 nợ gốc với số tiền: 72.053.953 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty T2 yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quang V phải trả khoản lãi trong hạn: Nợ lãi trong hạn: 58.778.091 đồng; Nợ lãi quá hạn: 96.892.206 đồng; Nợ lãi chậm trả: 19.719.072 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay 09/3/2020, Lịch trả nợ, Bản điều khoản cơ bản thì các bên thỏa thuận, lãi suất trong hạn là 36%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả/lãi trong hạn là 10%/năm. Mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả do các bên thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả theo thỏa thuận nêu trên, tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, nợ lãi theo từng kỳ thanh toán thì số tiền Nợ lãi trong hạn: 58.778.091 đồng (*Năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm chín mươi một đồng*); Nợ lãi quá hạn: 96.892.206 đồng (*Chín mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng*); Nợ lãi chậm trả: 19.719.072 đồng (*Mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng*) như Công ty T2 yêu cầu là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn 58.778.091 đồng buộc bị đơn ông Nguyễn Quang V phải trả cho Công ty T2 tổng số tiền 247.443.322 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 72.053.953 đồng (*Bảy mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng*); Nợ lãi trong hạn: 58.778.091 đồng (*Năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm chín mươi một đồng*); Nợ lãi quá hạn: 96.892.206 đồng (*Chín mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng*); Nợ lãi chậm trả: 19.719.072 đồng (*Mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng*).

Buộc ông Nguyễn Quang V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Quang V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 14 Điều 4; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 đối với ông Nguyễn Quang V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc ông Nguyễn Quang V phải trả cho Công ty T2 tổng số tiền: tổng số tiền 247.443.322 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng), trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 72.053.953 đồng (*Bảy mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng*);

Nợ lãi trong hạn: 58.778.091 đồng (*Năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm chín mươi một đồng*);

Nợ lãi quá hạn: 96.892.206 đồng (*Chín mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng*);

Nợ lãi chậm trả: 19.719.072 đồng (*Mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng*).

2.2 Buộc ông Nguyễn Quang V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

2.3. **Về án phí:** Ông Nguyễn Quang V phải chịu 12.372.166 đồng (*Mười hai triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.597.115 đồng (*Năm triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm mười lăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008259 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2.4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường